TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 355/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Hoàng Nam
2. Bà Phan Thị Dòn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 05 năm 2023 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1016/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/03/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/04/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm: 1977, (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp F, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1974, (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp F, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn G tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2001, đôi bên có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông G đánh đập vợ con và không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng đã ly thân được 02 năm. Do tình cảm đối với nhau không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Dương Gia B, nam, sinh ngày 23/7/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Dương Gia Q, nữ, sinh ngày 24/6/2015. Khi ly

hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông G vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Bà Dương Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn G. Đây là tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Bà Dương Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[4] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Về hình thức: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Nghệ An cấp ngày 04/09/2001 thì bà Dương Thị H và ông Nguyễn Văn G là vợ chồng được pháp luật công nhận.

[4.2] Về nội dung: Xét lời trình bày của bà Dương Thị H nhận thấy giữa bà H với ông G trước khi kết hôn đã có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên hôn nhân giữa đôi bên là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, tình tình không hợp, ông G không quan tâm chăm sóc vợ con và đã ly thân được 02 năm nên bà H yêu cầu ly hôn với ông G để sớm ổn định cuộc sống. Việc này phù hợp với kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh là trong quá trình sinh sống tại địa phương giữa bà Dương Thị H với ông Nguyễn Văn G có mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân.

Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn Văn G đến Tòa để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông G không đến. Hai lần triệu tập đến tham gia phiên Tòa ông G vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông G đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*".

Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà H và ông G có mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông G là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.3] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Dương Gia B, nam, sinh ngày 23/7/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Dương Gia Q, nữ, sinh ngày 24/6/2015. Hiện tại trẻ Hân đang sống cùng với bà H nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hân và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Việc này phù hợp với nguyện vọng của trẻ Hân. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao trẻ Nguyễn Dương Gia Q cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Dương Thị H không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Nguyễn Văn G có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị H.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Nghệ An cấp ngày 04/09/2001 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Dương Gia Q, nữ, sinh ngày 24/6/2015 cho bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn G chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn G có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Dương Thị H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0041970 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Dương Thị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- UBND xã Hưng Xuân, H. Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Lưới